

V/v kiểm tra công tác nghiệm thu công trình, báo cáo về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2013*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 06/02/2013, Chính phủ ban hành Nghị định 15/2013/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định 15/2013/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2013. Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Thông tư số 10/2013/TT-BXD) để hướng dẫn thực hiện.

Đến nay, các địa phương đang triển khai thực hiện các quy định về kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và tổng hợp, báo cáo về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trước ngày 15/12 hằng năm theo quy định tại Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Qua phản ánh của một số cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương và kiểm tra của Bộ Xây dựng cho thấy việc thực hiện các quy định nêu trên ở một số địa phương còn lúng túng và chưa thống nhất. Để triển khai tốt các quy định này, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các công việc sau:

**1. Về tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:**

1.1. Giao cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành rà soát các công trình đang thi công xây dựng trên địa bàn, lập danh mục các công trình trên địa bàn thuộc đối tượng kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và gửi về Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

1.2. Phân công cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra các công trình thuộc đối tượng kiểm tra quy định tại Khoản 6 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD; căn cứ thực tế xây dựng tại địa phương, xem xét việc phân cấp kiểm tra đối với một số công trình cấp III, IV thuộc trách nhiệm kiểm tra của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện.

1.3. Đối với các công trình có nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), yêu cầu Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp hướng dẫn chủ đầu tư về việc kiểm tra công tác nghiệm thu và kiên quyết



yêu cầu các chủ đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng.

1.4. Chỉ đạo các Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo trình tự và nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình dân dụng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và hạ tầng kỹ thuật theo hướng dẫn tại mục 2 văn bản này. Đối với các công trình chuyên ngành khác (giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn ... ) thì các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham khảo, bổ sung cho phù hợp với công trình chuyên ngành do mình quản lý để thực hiện. Đối với nhà ở riêng lẻ và một số công trình có quy mô nhỏ khác sẽ có hướng dẫn riêng trên cơ sở đơn giản hóa nội dung hồ sơ hoàn thành công trình.

## **2. Hướng dẫn kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng** *(Áp dụng đối với công trình dân dụng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và hạ tầng kỹ thuật)*

### **2.1. Trình tự kiểm tra:**

Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện như sau:

#### **a) Kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng:**

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ động rà soát các công trình thuộc đối tượng kiểm tra và yêu cầu chủ đầu tư gửi báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (tham khảo mẫu báo cáo tại Phụ lục 1a kèm theo công văn này).

- Thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch và nội dung kiểm tra tại một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình (tham khảo mẫu thông báo tại Phụ lục 1b kèm theo công văn này).

- Thực hiện kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư (tham khảo mẫu thông báo tại Phụ lục 1c kèm theo công văn này).

#### **b) Kiểm tra công trình lần cuối:**

- Thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch và nội dung kiểm tra công trình lần cuối sau khi nhận được báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (tham khảo mẫu thông báo tại phụ lục 1d kèm theo công văn này).

- Thực hiện kiểm tra, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho chủ đầu tư kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (mẫu thông báo theo Phụ lục 4 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

- c) Đối với công trình cấp I trở lên, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng phối hợp với Sở Xây dựng để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

### **2.2 Nội dung và phương pháp kiểm tra:**

- a) Kiểm tra hiện trạng các bộ phận công trình bằng trực quan và kiểm tra, đối chiếu các số liệu quan trắc, đo đạc so với yêu cầu của thiết kế.



b) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế dựa trên hồ sơ hoàn thành công trình (tham khảo Phụ lục 2 kèm theo công văn này).

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế.

d) Trường hợp kiểm tra hồ sơ phát hiện thấy tổ chức thí nghiệm không đủ điều kiện năng lực theo quy định, số liệu kết quả thí nghiệm không đủ độ tin cậy; kiểm tra hiện trạng bằng trực quan, các số liệu quan trắc, đo đạc cho thấy công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế (ngiên, lún, nứt, thấm ... vượt quy định cho phép) thì cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu chủ đầu tư tổ chức thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình.

### 2.3. Chi phí kiểm tra:

Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán và tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

a) Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm: (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, ở, ...) được tính theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính.

b) Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điểm 3.5 Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 25/5/2010 của Bộ Xây dựng; giá trị căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện được tính theo quy định tại Phụ lục hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập dự toán dự trù chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu và gửi cho chủ đầu tư phê duyệt.

### 2.4. Thông báo kết quả kiểm tra:

Kết thúc từng đợt kiểm tra, cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả kiểm tra, nêu rõ các vấn đề tồn tại (nếu có) để chủ đầu tư khắc phục.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra công trình lần cuối, nếu hiện trạng chất lượng công trình và hồ sơ hoàn thành công trình đáp ứng được yêu cầu của thiết kế và quy định của pháp luật, đảm bảo đủ điều kiện khai thác và sử dụng công trình thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo chấp thuận cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Trường hợp công trình có biểu hiện không đảm bảo an toàn vận hành, khai thác và sử dụng (an toàn chịu lực, an toàn phòng cháy và chữa cháy, an toàn môi trường và các an toàn khác theo quy định của pháp luật có liên quan); vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình thì cơ quan chuyên môn về xây dựng không chấp thuận cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu



đưa công trình vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng chỉ được thực hiện nếu các bên có liên quan khác phục, giải quyết được các tồn tại và vi phạm nêu trên.

### **3. Về tổng hợp, báo cáo tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng:**

3.1. Việc tổng hợp, báo cáo tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 6 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và đảm bảo thời hạn nộp báo cáo cho Bộ Xây dựng trước 15/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Việc phân loại chất lượng công trình theo các mức độ trung bình, khá, tốt quy định tại Điểm c Khoản 2 Mục III Phụ lục số 6 và Phụ lục số 7 Thông tư số 10/2013/TT-BXD:

a) Trong năm 2013 trước mắt chỉ áp dụng đối với các đối tượng công trình sau:

- Các công trình đã được chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công xây dựng đăng ký tham dự các giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng quy định tại Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng ban hành quy định tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

- Các công trình được cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định phân loại chất lượng công trình theo các mức độ trung bình, khá, tốt thông qua kiểm tra công tác nghiệm thu sau ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành.

b) Phương thức phân loại: vận dụng cách chấm điểm theo Thông tư số 12/2013/TT-BXD, Bộ Xây dựng đã rà soát và biên soạn Bảng các tiêu chí phân loại tại Phụ lục 3 kèm theo văn bản này để tham khảo thực hiện.

3.3. Bổ sung vào báo cáo phần đánh giá tổng quan về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng tại địa phương trên cơ sở so sánh các số liệu của năm báo cáo với năm trước đó.

Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, triển khai kiểm tra công tác nghiệm thu và báo cáo về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng (để báo cáo);
- Sở Xây dựng các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Các Bộ: GTVT; Công thương; NN & PTNT (để biết);
- Lưu: VP, CGĐ

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Nghị**

**Phụ lục 1a**

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)

.....(Tên Chủ đầu tư) .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO VỀ THÔNG TIN  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi : ..... (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình ..... báo cáo về thông tin của công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Tên công trình/hạng mục công trình:.....
  2. Địa điểm xây dựng: .....
  3. Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: .....
  4. Quy mô công trình: *(nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).*
  5. Danh sách các nhà thầu: *(tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).*
  6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
- Đề nghị ..... (1) ..... tổ chức kiểm tra công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- ..... (2)
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.

(2). Sở Xây dựng trong trường hợp công trình theo quy định do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra hoặc công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.



**Phụ lục 1b**

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)

..... (1) .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH  
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi : ..... (tên chủ đầu tư) .....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10 /2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ báo cáo về thông tin công trình/hạng mục công trình tại văn bản số .... ngày ... tháng ... năm ...;

..... (1) ..... thông báo kế hoạch kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình như sau:

1. Tên giai đoạn kiểm tra.
2. Thời gian kiểm tra.
3. Thành phần kiểm tra (*tên, chức vụ các cá nhân thực hiện kiểm tra và tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra (nếu có)*).
4. Nội dung và hồ sơ, tài liệu kiểm tra (*tham khảo Phụ lục 2 của Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013*).
5. Các ý kiến khác (nếu có).

Đề nghị Chủ đầu tư tập hợp hồ sơ, tài liệu và mời các đơn vị liên quan làm việc với đoàn kiểm tra của ..... (1) .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ..... (2)
- Lưu ...

..... (1) .....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.

(2). Sở Xây dựng trong trường hợp công trình theo quy định do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra hoặc công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

**Phụ lục 1c**

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GD ngày 30/12/2013)

..... (1) .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾT QUẢ KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH  
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi : .....(tên chủ đầu tư).....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ báo cáo về thông tin công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ..... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn kế hoạch kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại văn bản số ..... Ngày ... tháng ..... năm... ;

Căn cứ biên bản kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng tại hiện trường ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

..... (1) ..... thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình như sau:

1. Tên giai đoạn kiểm tra.
2. Nội dung kiểm tra.
3. Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình/ hạng mục công trình.
4. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các nội dung đã kiểm tra.

5. Các ý kiến khác (nếu có).

6. Kế hoạch kiểm tra lần sau: *(tên giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng công trình)*.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ..... (2)

- Lưu ...

..... (1) .....

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.

(2). Sở Xây dựng trong trường hợp công trình theo quy định do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra hoặc công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.



**Phụ lục 1d**

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)

..... (1) .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU  
ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG**

Kính gửi : .....(tên chủ đầu tư).....

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10 /2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ..... ngày ... tháng ..... năm.....;

..... (1) ..... thông báo kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng như sau:

1. Thời gian kiểm tra.
2. Thành phần kiểm tra (*tên, chức vụ các cá nhân thực hiện kiểm tra và tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra (nếu có)*).
3. Nội dung và hồ sơ, tài liệu kiểm tra: (*tham khảo Phụ lục 2 của Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013*).
4. Các ý kiến khác (nếu có).

Đề nghị Chủ đầu tư tập hợp hồ sơ, tài liệu và mời các đơn vị liên quan làm việc với đoàn kiểm tra của..... (1) ..... ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ..... (2)
- Lưu ...

..... (1) .....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.

(2). Sở Xây dựng trong trường hợp công trình theo quy định do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra hoặc công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.



## Phụ lục 2

### NỘI DUNG KIỂM TRA MỘT SỐ HỒ SƠ CHÍNH YẾU

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng)

CÔNG TRÌNH : .....

ĐỊA ĐIỂM : .....

CHỦ ĐẦU TƯ : .....

| STT       | Tài liệu   | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan  |
|-----------|--|--|--|--|
| <b>A</b>  | <b>HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>                               |  |  |  |
| <b>I</b>  | <b>Chủ trương đầu tư</b>   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19/06/2010.<br>Điều 5 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP                           |
| <b>II</b> | <b>Dự án đầu tư xây dựng công trình</b>  |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1         | Năng lực đơn vị lập dự án  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 41 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP<br>Điều 42 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP                                   |
| 2         | Thuyết minh dự án  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 7 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP  |
| 3         | Thuyết minh, bản vẽ thiết kế cơ sở   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP  |
| 4         | Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường. | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Nghị định số 29/2011/NĐ-CP   |
| 5         | Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành.         | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.   |
| 6         | Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy.                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Nghị định 35/2003/NĐ-CP; Nghị định 46/2012/NĐ-CP   |
| 7         | Báo cáo thẩm định dự án  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 10, Điều 11 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP  |

| STT        | Tài liệu  | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan  |
|------------|---|--|--|--|
| 8          | Quyết định đầu tư xây dựng công trình                                       | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 12 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP   |
| <b>III</b> | <b>Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền</b>                 |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1          | Văn bản thỏa thuận đấu nối điện với đơn vị phân phối điện.                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Thông tư 32/2010/TT-BCT ngày 30/7/2010 quy định hệ thống điện phân phối.                                   |
| 2          | Văn bản thỏa thuận đấu nối đường giao thông (nếu có)                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |  |
| 3          | Văn bản thỏa thuận cấp nước với đơn vị cung cấp nước                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |  |
| 4          | Văn bản thỏa thuận đấu nối vào hệ thống thoát nước khu vực                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |  |
| 5          | Giấy phép xây dựng được cấp hoặc quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt    | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Nghị định số 64/2012/NĐ-CP   |
| <b>B</b>   | <b>QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b> |  |  |  |
| <b>I</b>   | <b>Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng</b>                                 |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1          | Năng lực nhà thầu khảo sát  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 45, 46 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP   |
| 2          | Nhiệm vụ khảo sát   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 8 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 3          | Phương án kỹ thuật khảo sát   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 4          | Năng lực nhân sự giám sát khảo sát  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP   |



| STT       | Tài liệu   | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan  |
|-----------|--|--|--|--|
| 5         | Báo cáo kết quả khảo sát   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 11 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| 6         | Nghiệm thu kết quả khảo sát  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 12 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| <b>II</b> | <b>Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công)</b> |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1         | Năng lực nhà thầu thiết kế   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 47, 48, 49 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP   |
| 2         | Bản vẽ thiết kế  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 14 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| 3         | Chi dẫn kỹ thuật   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 6 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 4         | Kết quả thẩm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP<br>Thông tư số 13/2013/TT-BXD   |
| 5         | Báo cáo thẩm định thiết kế của chủ đầu tư  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 20 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP   |
| 6         | Quyết định phê duyệt thiết kế  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 20 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP   |
| 7         | Nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 15 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| <b>C</b>  | <b>QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG</b>  |  |  |  |
| <b>I</b>  | <b>Năng lực chủ thể tham gia xây dựng công trình</b>   |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1         | Nhà thầu thi công xây dựng   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 52, 53 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP   |

| STT        | Tài liệu  | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan                         |
|------------|---|--|--|---|
| 2          | Nhà thầu giám sát   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 51 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP  |
| 3          | Ban quản lý dự án   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP<br>Khoản 3 Điều 3 Thông tư 22/2009/TT-BXD    |
| 4          | Tư vấn quản lý dự án (nếu có)   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 43, 44 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP  |
| 5          | Tổ chức kiểm định (nếu có)  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 7 Thông tư 03/2011/TT-BXD  |
| 6          | Tổ chức thí nghiệm  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD<br>Điều 7 Thông tư 03/2011/TT-BXD                          |
| <b>II</b>  | <b>Kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng công trình</b>  |  |  |   |
| 1          | Sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 2          | Quy trình kiểm tra, giám sát thi công xây dựng  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 3          | Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ trong thi công xây dựng | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 6 Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 4          | Nhật ký thi công xây dựng công trình  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD                                     |
| <b>III</b> | <b>Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần san nền</b>                                |  |  | Theo các văn bản trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1          | Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |   |
| 2          | Bản vẽ hoàn công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |
| 3          | Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD  |



| STT       | Tài liệu  | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan   |
|-----------|---|--|--|---|
| 4         | Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng  |
| 5         | Nghiệm thu chất lượng thi công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b><br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng |
| 6         | Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b><br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng     |
| 7         | Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |   |
| <b>IV</b> | <b>Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần cọc móng</b>   |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan    |
| 1         | Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |   |
| 2         | Bản vẽ hoàn công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.</b>  |
| 3         | Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b>   |
| 4         | Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm<br>- Thí nghiệm sức chịu tải cọc thí nghiệm<br>- Thí nghiệm chất lượng bê tông cọc<br>... | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng  |
| 5         | Biên bản cho phép thi công cọc đại trà của nhà thầu thiết kế  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |   |
| 6         | Nghiệm thu chất lượng thi công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b><br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng |
| 7         | Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b><br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng     |
| 8         | Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |   |

| STT       | Tài liệu  | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan  |
|-----------|---|--|--|--|
| <b>V</b>  | <b>Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần kết cấu móng, thân</b>                     |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1         | Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |  |
| 2         | Bản vẽ hoàn công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| 3         | Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| 4         | Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng   |
| 5         | Nghiệm thu chất lượng thi công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD<br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng     |
| 6         | Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD<br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng         |
| 7         | Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công<br>- Thiết bị nâng, vận chuyển người và thiết bị.<br>... | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |  |
| <b>VI</b> | <b>Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng phần cơ điện và hoàn thiện</b>                  |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan |
| 1         | Bảng kê các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công (nếu có)                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |  |
| 2         | Bản vẽ hoàn công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.  |
| 3         | Quản lý chất lượng vật liệu trước khi đưa vào sử dụng   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD   |
| 4         | Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng   |



| STT        | Tài liệu  | Tình trạng   | Đánh giá   | Đánh giá sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan   |
|------------|---|--|--|---|
| 5          | Nghiệm thu chất lượng thi công  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 20, 21 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b><br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng |
| 6          | Các kết quả kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng (nếu có)   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b><br>Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng     |
| 7          | Lý lịch máy móc, thiết bị phục vụ thi công<br>- Thiết bị nâng, vận chuyển người và thiết bị.<br>...   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp |   |
| 8          | Quản lý chất lượng thiết bị lắp đặt vào công trình:<br>- Điều hòa không khí.<br>- Thang máy<br>...  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD</b>   |
| <b>VII</b> | <b>Các tài liệu khác</b>  |  |  | Theo các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn dưới đây và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan    |
| 1          | Chống sét   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | Báo cáo kết quả kiểm tra điện trở   |
| 2          | Môi trường: Giấy phép xả thải vào lưu vực nguồn nước  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường</b>  |
| 3          | Phòng cháy và chữa cháy:<br>- Văn bản nghiệm thu về PCCC;<br>- Văn bản thông báo cam kết với cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy; đồng thời, gửi kèm theo các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy (nếu có) | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Nghị định 35/2003/NĐ-CP; Nghị định 46/2012/NĐ-CP</b>   |
| 4          | Hồ sơ khắc phục sự cố (nếu có)  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP</b>   |
| 5          | Quy trình vận hành, quy trình bảo trì công trình  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không có | <input type="checkbox"/> Phù hợp<br><input type="checkbox"/> Không phù hợp | <b>Nghị định số 114/2010/NĐ-CP;<br/>Thông tư số 02/2012/TT-BXD</b>  |

### DANH MỤC BẢN VẼ HOÀN CÔNG

(Kèm theo Hồ sơ thi công - Nghiệm thu công trình giai đoạn ....)

| STT | Tên bản vẽ | Số hiệu bản vẽ | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|---------|
|     |            |                |         |

### DANH MỤC CÁC BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

(Kèm theo Hồ sơ thi công - Nghiệm thu công trình giai đoạn .....)

| STT | Công việc nghiệm thu | Ngày nghiệm thu | Số biên bản | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------|-------------|---------|
|     |                      |                 |             |         |

### DANH MỤC CHỨNG CHỈ VẬT LIỆU

(Kèm theo Hồ sơ thi công - Nghiệm thu công trình giai đoạn ...)

| STT | Tên vật liệu | Biên bản lấy mẫu              | Chứng chỉ xuất xứ                     | Kết quả TN chất lượng             | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|     |              | Số Biên bản<br>Ngày tháng năm | Số chứng chỉ<br>Ngày TN<br>Tên nhà SX | Số phiếu KQ<br>Ngày TN<br>Tên PTN |         |
|     |              |                               |                                       |                                   |         |

**Phụ lục 3**

**BẢNG CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng)*

| TT        | Tiêu chí đánh giá  | Công trình dân dụng | Công trình công nghiệp | Công trình giao thông   |             |           | Công trình NN và PTNT | Công trình hạ tầng KT |
|-----------|--|---------------------|------------------------|-------------------------|-------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
|           |  |                     |                        | Đường ô tô, đường S.bay | Cầu và cảng | Đường sắt |                       |                       |
| <b>1.</b> | <b>Chất lượng công trình</b>   | <b>60</b>           | <b>60</b>              | <b>60</b>               | <b>60</b>   | <b>60</b> | <b>60</b>             | <b>60</b>             |
| 1.1       | Kết cấu  | 30                  | 28                     | 45                      | 40          | 43        | 41                    | 28                    |
|           | - Chất lượng vật liệu đầu vào so với yêu cầu thiết kế  | 8                   | 8                      | 12                      | 10          | 11        | 11                    | 7                     |
|           | - Chất lượng thi công các kết cấu công trình (các chỉ tiêu kỹ thuật, vị trí, cao độ, kích thước hình học...) so với yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.                    | 13                  | 11                     | 20                      | 19          | 20        | 19                    | 12                    |
|           | - Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng kết cấu qua các số liệu quan trắc so với yêu cầu thiết kế (độ lún, chuyển vị, biến dạng, thấm...).   | 9                   | 9                      | 13                      | 11          | 12        | 11                    | 9                     |
|           | - Mức độ sai sót trong thi công<br>+ Sai sót trong thi công nhưng được khắc phục kịp thời không gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc tiếp theo;<br>+ Sai sót không được khắc phục kịp thời | -2<br>-5            | -2<br>-5               | -2<br>-5                | -2<br>-5    | -2<br>-5  | -2<br>-5              | -2<br>-5              |
| 1.2       | Kiến trúc – hoàn thiện   | 17                  | 12                     | 5                       | 10          | 5         | 5                     | 12                    |
|           | - Mức độ hài hòa của hình khối kiến trúc công trình với cảnh quan môi trường   | 4                   | 3                      | 2                       | 3           | 2         | 2                     | 3                     |
|           | - Chất lượng thi công các bộ phận kiến trúc theo yêu cầu thiết kế.   | 5                   | 4                      | 2                       | 3           | 2         | 2                     | 4                     |
|           | - Chất lượng vật liệu hoàn thiện   | 3                   | 2                      |                         | 1           |           |                       | 2                     |
|           | - Mức độ hoàn thiện, độ tinh xảo   | 5                   | 3                      | 1                       | 3           | 1         | 1                     | 3                     |
| 1.3       | Hệ thống kỹ thuật, thiết bị  | 8                   | 15                     | 5                       | 5           | 7         | 9                     | 15                    |
|           | - Xuất xứ, nguồn gốc thiết bị  | 2                   | 3                      |                         |             |           | 2                     | 3                     |
|           | - Công tác chế tạo, lắp đặt và nghiệm thu  | 4                   | 8                      | 4                       | 4           | 5         | 4                     | 8                     |



| TT        | Tiêu chí đánh giá  | Công trình dân dụng | Công trình công nghiệp | Công trình giao thông   |             |           | Công trình NN và PTNT | Công trình hạ tầng KT |
|-----------|--|---------------------|------------------------|-------------------------|-------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
|           |  |                     |                        | Đường ô tô, đường S.bay | Cầu và cảng | Đường sắt |                       |                       |
|           | theo yêu cầu thiết kế  |                     |                        |                         |             |           |                       |                       |
|           | - Vận hành an toàn, các thông số kỹ thuật nằm trong giới hạn cho phép  | 2                   | 4                      | 1                       | 1           | 2         | 3                     | 4                     |
| 1.4       | Công năng  | 5                   | 5                      | 5                       | 5           | 5         | 5                     | 5                     |
|           | - Dây chuyền công năng phù hợp   | 2                   | 2                      |                         |             |           | 2                     | 2                     |
|           | - Đảm bảo quy mô, công suất theo thiết kế  | 2                   | 2                      | 3                       | 3           | 3         | 2                     | 2                     |
|           | - Tính thích dụng  | 1                   | 1                      | 2                       | 2           | 2         | 1                     | 1                     |
| <b>2.</b> | <b>An toàn trong thi công xây dựng, an toàn phòng, chống cháy nổ và việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường</b>   | <b>10</b>           | <b>10</b>              | <b>10</b>               | <b>10</b>   | <b>10</b> | <b>10</b>             | <b>10</b>             |
| 2.1       | Đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng  | 4                   | 4                      | 4                       | 4           | 4         | 4                     | 4                     |
| 2.2       | Đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ   | 3                   | 3                      | 3                       | 3           | 3         | 3                     | 3                     |
| 2.3       | Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường   | 3                   | 3                      | 3                       | 3           | 3         | 3                     | 3                     |
| 2.4       | Sự cố  |                     |                        |                         |             |           |                       |                       |
|           | - Cấp đặc biệt nghiêm trọng, cấp I   | Không xét           | Không xét              | Không xét               | Không xét   | Không xét | Không xét             | Không xét             |
|           | - Cấp II   | -5                  | -5                     | -5                      | -5          | -5        | -5                    | -5                    |
|           | - Cấp III  | -3                  | -3                     | -3                      | -3          | -3        | -3                    | -3                    |
| <b>3.</b> | <b>Công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình; sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, các quy trình quy phạm trong xây dựng</b> | <b>25</b>           | <b>25</b>              | <b>25</b>               | <b>25</b>   | <b>25</b> | <b>25</b>             | <b>25</b>             |
| 3.1       | Mức độ đáp ứng về điều kiện năng lực của các chủ thể (nhân lực, năng lực thiết bị, kinh nghiệm ...)  | 7                   | 7                      | 7                       | 7           | 7         | 7                     | 7                     |
| 3.2       | Hệ thống quản lý chất lượng của các chủ thể (mức độ hoàn thiện của HTQLCL và hiệu quả hoạt động của nó)  | 6                   | 6                      | 6                       | 6           | 6         | 6                     | 6                     |
| 3.3       | Sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng của các chủ thể (mức độ, vi phạm)   | 7                   | 7                      | 7                       | 7           | 7         | 7                     | 7                     |
| 3.4       | Hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ hoàn thành công trình  | 5                   | 5                      | 5                       | 5           | 5         | 5                     | 5                     |

| TT        | Tiêu chí đánh giá  | Công trình dân dụng | Công trình công nghiệp | Công trình giao thông   |             |            | Công trình NN và PTNT | Công trình hạ tầng KT |
|-----------|--|---------------------|------------------------|-------------------------|-------------|------------|-----------------------|-----------------------|
|           |  |                     |                        | Đường ô tô, đường S.bay | Cầu và cảng | Đường sắt  |                       |                       |
| <b>4.</b> | <b>Việc thực hiện đúng tiến độ xây dựng công trình đã được phê duyệt</b> | <b>5</b>            | <b>5</b>               | <b>5</b>                | <b>5</b>    | <b>5</b>   | <b>5</b>              | <b>5</b>              |
| 4.1       | Đảm bảo đúng hoặc vượt tiến độ   | 5                   | 5                      | 5                       | 5           | 5          | 5                     | 5                     |
| 4.2       | Kéo dài tiến độ nhưng do những điều kiện bất khả kháng                   | 2                   | 2                      | 2                       | 2           | 2          | 2                     | 2                     |
| 4.3       | Kéo dài tiến độ do lỗi hoàn toàn của Chủ đầu tư hay của nhà thầu         | -5                  | -5                     | -5                      | -5          | -5         | -5                    | -5                    |
|           | <b>Tổng điểm</b>   | <b>100</b>          | <b>100</b>             | <b>100</b>              | <b>100</b>  | <b>100</b> | <b>100</b>            | <b>100</b>            |

**Ghi chú:**

1. Mức điểm trong bảng là điểm tối đa cho từng tiêu chí.
2. Mức điểm phân loại chất lượng công trình xây dựng:
  - a) Từ 50 đến 69 điểm : Trung bình.
  - b) Từ 70 đến 89 điểm: Khá.
  - c) Từ 90 đến 100 điểm: Tốt.